

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 28 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Trung;

Ông Nguyễn Xuân Dũng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Y, sinh năm 1991 tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y C (đã chết) và bà H N; có vợ là H D và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Y:* Bà Trần Thị Phương L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Địa chỉ: Số 39, đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị hại:*

+ Chị Trần Thị Khánh H, sinh năm 1971. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Lê Văn H2, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+Chị Ngô Thị Thu T, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

+Anh Trần Khánh L, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 275, đường N, tổ dân phố T, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 18/4/2021 Y đi bộ trong buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk xem nhà ai có tài sản để trộm cắp, đến khoảng 22 giờ Y đi đến trước nhà chị Trần Thị Khánh H ở buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk thấy cổng đóng nhưng cửa nhà vẫn mở, Y đi sang bên hông nhà rồi trèo qua tường rào và đi vào buồng ngủ nhà chị H, thấy điện thoại di động hiệu Iphone 6 đang sạc pin ở cửa buồng, Y lấy điện thoại bỏ vào túi quần, sau đó trèo qua tường rào ra ngoài đường, tiếp tục tìm xem nhà nào sơ hở để đột nhập trộm cắp tài sản. Đến khoảng 00 giờ ngày 19/4/2021 Y đi đến nhà anh Lê Văn H2 ở buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, thấy cổng nhà anh H2 không đóng nên Y đi vào hông nhà anh H2, do cửa sổ không chốt mà chỉ khép lại nên Y dùng tay kéo cửa sổ, quan sát trong nhà thấy trên giường có để điện thoại di động hiệu Oppo F9, Y lấy trộm điện thoại này, sau đó Y đi về vườn cà phê của nhà mình để ngủ. Đến khoảng 04 giờ ngày 19/4/2021 Y đi sang xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để chơi, sau đó đem điện thoại Oppo F9 trộm cắp được của anh H2 bán cho tiệm mua bán điện thoại của anh Trần Khánh L ở xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được 750.000 đồng. Đến ngày 20/4/2021 Y về lại huyện L, trên đường về Y mang điện thoại Iphone 6 trộm cắp được của chị H bán cho tiệm mua bán điện thoại của anh Hoàng Đức H ở tổ dân phố T, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được 200.000 đồng, tiền bán điện thoại Y tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 21/4/2021 Y đến Công an xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện L kết luận: Giá trị còn lại của điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 là 1.950.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là 1.750.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của tài sản là 3.700.000 đồng.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-HS ngày 08/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố.

Bị hại anh Lê Văn H2 trình bày ý kiến: Ngày 19/4/2021 bị cáo trộm cắp của

anh H2 01 chiếc điện thoại di động hãng Oppo F9 đã qua sử dụng, theo kết luận định giá tài sản thì giá trị còn lại của chiếc điện thoại trên là 1.950.000 đồng, trong thời gian Tòa án chuẩn bị xét xử vụ án bị cáo đã bồi thường cho anh H2 1.000.000 đồng, anh H2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 950.000 đồng còn lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 màu xám, đã qua sử dụng cho chị Trần Thị Khánh H.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh của anh Lê Văn H2, Y đã bán cho anh Trần Khánh L, sau đó anh L đã bán lại cho người khác, quá trình điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đề nghị truy thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng Y bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 cho anh Hoàng Đức H.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Khánh H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn H2 số tiền 950.000 đồng.

Đối với anh Hoàng Đức H và Trần Khánh L là những người mua lại 02 chiếc điện thoại di động mà bị cáo Y đã trộm cắp của chị Trần Thị Khánh H và anh Lê Văn H2. Quá trình điều tra xác định, khi mua các tài sản trên, anh Huy và anh Luân không biết đó là tài sản do Y trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc không đề cập xử lý đối với anh Hoàng Đức H và Trần Khánh L là đúng quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo:

Về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người bào chữa thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã đến Công an xã B, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đầu thú, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có trình độ văn hóa thấp, nhận thức về pháp luật có

phần hạn chế, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 36 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời xử phạt bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng của vụ án thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ 22 giờ ngày 18/4/2021 đến 00 giờ ngày 19/4/2021, Y đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu I Phone 6 trị giá 1.750.000 đồng của chị Trần Thị Khánh H ở buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk và tiếp tục lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 trị giá 1.950.000 đồng của anh Lê Văn H2 ở buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.700.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có thể lực và trí lực bình thường,

buộc phải biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng do xuất phát từ động cơ tham lam tư lợi cá nhân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường 1.000.000 đồng cho bị hại anh Lê Văn H2, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi sự việc bị phát hiện ngày 21/4/2021 bị cáo đến Công an xã B, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đầu thú, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Y có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt trước khi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, thiết nghĩ không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, răn đe, phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và đạt được mục đích của hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 màu xám, đã qua sử dụng cho chị Trần Thị Khánh H, tại Quyết định xử lý vật chứng số: 09 ngày 19/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lắc là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh bị cáo Y trộm cắp của anh Lê Văn H2, bị cáo đã bán cho anh Trần Khánh L, anh L đã bán lại cho người khác, quá trình điều tra không truy tìm được nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo Y có được do bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 cho anh Hoàng Đức H. Đây là tiền Y phạm tội mà có nên cần truy thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền này.

[7] Đối với anh Hoàng Đức H và Trần Khánh L là những người đã mua lại 02 chiếc điện thoại di động mà Y trộm cắp của chị Trần Thị Khánh H và anh Lê

Văn H2. Khi mua các tài sản trên anh H và anh L không biết đó là tài sản do Y trộm cắp mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lắc không đề cập xử lý đối với anh H và L là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Khánh H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Bị hại anh Lê Văn H2 yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 950.000 đồng, theo kết luận định giá tài sản, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của bị hại anh Lê Văn H2 là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc hộ nghèo và là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Y **06 (sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Y cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Y phải bồi thường cho anh Lê Văn H2 số tiền 950.000 đồng (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi chậm trả trong giai đoạn Thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, khoản 2

Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng của bị cáo Y có được do bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 cho anh Hoàng Đức H.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Y phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CQCSĐTCA huyện Lắk;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc